

HÔN NHÂN VÀ THÂN PHẬN LỆ THUỘC CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ BRU- VÂN KIỀU

LÝ TÙNG HIẾU

Hôn nhân là việc hệ trọng trong cả đời, và nó ảnh hưởng không chỉ riêng đến đôi dâu rể mà cho cả "người lớn" đôi bên. Ít nhất điều đó vẫn còn đúng đối với những cộng đồng dân cư chưa bị tác động nhiều bởi lối sống hiện đại. Ở những cộng đồng đó, hôn nhân bao giờ cũng là một *quá trình* trải qua nhiều *bước* (giai đoạn), mỗi bước bao gồm một vài lễ (nghỉ thức) tuy có thể đơn giản nhưng đều phải tiến hành *trang trọng*. Bởi lẽ tất cả đều hàm chứa những ý nghĩa thiêng liêng mà đôi khi cả người lớn tuổi cũng không thể hiểu và giải thích một cách tận tường. Bên cạnh nguyên do đó, còn có những động cơ vật chất. Tất cả đã khiến cho các tập tục hôn nhân cổ truyền thường phức tạp, với hàng loạt những điều kiêng kỵ. Tập tục hôn nhân ở người Bru được kể dưới đây(*) sẽ làm rõ hơn điều đó.

Người Bru là một sắc tộc theo phụ hệ, nhưng còn bảo lưu một ít tàn dư mẫu hệ. Có lẽ vì vậy mà ở *giai đoạn trước hôn nhân*, một gia đình có con gái đến tuổi trưởng thành thường dựng một cái *sũ* (nhà tạm, nhưng có quy mô và kiến trúc *giống* nhà sàn bình thường) ở xa làng, rồi giao cho con gái mình làm "chị cả", tợp hợp một số bạn gái chưa chồng đến ngủ chung. Vì có nhiều cô gái có khả năng làm "chị cả", nên mỗi làng có thể có nhiều *sũ*. Ở đó, giữa cảnh thiên nhiên xa vắng, xa ánh mắt người làng, các trai làng chưa vợ tối tối có thể tự do tìm đến để làm quen, hẹn hò, giao ước với cô gái mà anh ta để ý. Nhưng chàng trai phải "coi chừng" có chị cả (trừ khi chàng là ý trung nhân của cô này), vì nếu không thích, cô có quyền cấm cửa đối với chàng. Những làng còn bảo lưu hình thức nhà công cộng (*roong, khoan*), trai son gái rỗi thường cũng cùng đến đó để ngủ chung, tình tự. Nhưng dù theo cách nào thì luật tục cũng nghiêm cấm và phạt nặng những trường hợp thai nghén trước hôn nhân. thực tế rất hiếm trường hợp lạm dụng.

* Dân tộc -Vân Kiều cư trú chủ yếu ở vùng núi phía tây Bình -Trị -Thiên cũ. Ngoài ra có một nhóm nhỏ vào năm 1972 bị chính quyền cũ di dân cưỡng bức vào buôn Yat (xã Ea Hiu, huyện Krông Pach, tỉnh Đắk Lắk), là nơi chúng tôi đã đến để khảo sát thu thập những tư liệu này (tháng 3-4/1985).

Khi đã ý hợp tâm đầu, chàng trai sẽ tặng cô gái mỗi lần một vài đồng bạc trắng (tiền xưa, đúc bằng bạc thật, rất giá trị trong cộng đồng người Bru), hoặc miếng trâu điếu thuốc (phụ nữ Bru cũng hút thuốc, bằng cách lá thuốc để nguyên cuộn lại, và hút như hút xì gà). Sau đó với sự đồng ý của cha mẹ, chàng trai sẽ nhờ vài người (thường là 1 nam, 1 nữ) làm mai mối (*cũn carna, tacul rna*), đến gặp cô gái để ngỏ lời và "bỏ cửa" lần thứ nhất (*van tók*), với số tiền từ 1 đến 10 đồng bạc trắng. Nếu ưng, cô gái sẽ nhận của và đưa về trình cha mẹ. Cha mẹ cô gái sẽ cho mời ông cậu (trong dịp này, người cậu được gọi là *nūaq*) đến để hỏi ý kiến và bàn bạc. Nếu không chấp thuận thì họ sẽ cho mời mai mối của bên trai đến để trả của (tuy nhiên, phong tục cho phép trong trường hợp mẹ cha và ông cậu khước từ, cô gái vẫn có thể theo về ở với chồng không thông qua cưới hỏi, miễn là không vi phạm các điều khoản khác; nhưng nếu cô gái đã nhận của mà về sau lại đổi ý trong khi không gặp trở ngại từ phía gia đình đối hôn, thì bên gái phải đền của gấp đôi cho bên trai). Nếu gia đình đôi bên nhất trí thì một vài tháng sau, chàng trai sẽ bỏ của lần thứ hai (*vantor, van atăm*) với số tiền tăng lên và kèm theo khăn, áo, vải vóc... Hai gia đình sẽ thông báo cho bà con trong họ và người đầu làng biết. Hai lần "bỏ của" được gọi chung là *dovan* (tương đương với lễ dạm và lễ hỏi của người Việt), đều do trai gái hẹn nhau trước, và được tiến hành vào buổi tối (không được đốt đèn), ở ngoài trời (chứ không lên nhà sàn).

Sau giai đoạn này, trai gái mới có quyền có con với nhau, nhưng người chồng vẫn chưa có quyền gì đối với vợ.

Muốn thật sự có quyền chi phối, chàng trai và nhà gái phải một lần nữa cử mai mối sang nhà gái để cùng chọn ngày tốt làm lễ rước dâu (*racoài, porcoài*). Ngày được chọn thường là ngày chẵn, từ 16 đến 20 âm lịch, không chọn những ngày cuối tháng.

Đến ngày *racoài*, nhà trai cử một phái đoàn đi sang nhà gái, bao gồm một *thâu kê* (chủ hôn, thường là tộc trưởng), 2 người *mosũq* (phát ngôn viên của *thâu kê*, cha mẹ bên trai, chú rể, và các *rapũn* (phù rể)). Riêng chú rể phải mang theo một cái nôi, một chiếc gương. Khi đôi bên gặp nhau trước sân nhà gái, bên gái sẽ hỏi bên trai: đi đâu, cưới ai v.v.... rồi mới nhận sính lễ và cho bên trai vào nhà). Lễ vật thường là bạc nén, nôi đồng, chuỗi hạt cườm và một thanh kiếm. Lúc nhà trai trao thanh kiếm cho nhà gái, phải đưa đằng chuôi ra trước; nếu làm ngược lại, cuộc hôn nhân sẽ bị xoá bỏ. Sau đó, khi cô dâu đã cùng với các *cán tin* (phù dâu) theo đoàn nhà trai về nhà

chồng, nhà gái sẽ cử 1-5 thanh niên đuổi theo, làm như để tìm kiếm cô gái, nhưng cuối cùng sẽ nhập vào đoàn người trên với tư cách những người đi đưa dâu.

Đến nhà chồng, cô dâu phải lần lượt thực hiện các nghi thức: lễ rửa chân (*pa tĩn*), lễ ăn cơm chung với chồng (*cha chomq*), lễ bắc bếp. Đoàn đưa dâu ngủ lại ở nhà trai một đêm.

Sáng hôm sau là ngày *rabeng*, hai đoàn cùng trở lại nhà gái, mang theo 4 cái bát, tượng trưng cho sự vừa ý của nhà gái. Khi 2 đoàn về đến nơi, nhà gái sẽ làm lễ đập bếp (*chut tapha*), cắm thanh gươm vào giữa bếp rồi tưới vào đó ít nước lã, đồng thời giết lợn cúng tổ tiên. Ăn uống xong xuôi, nhà gái mới tiến hành "đòi cửa" (*tom pra*). Vào lúc này, bên nhà gái nhất thiết phải có mặt cha mẹ, ông cậu và các anh em trai của cô gái. Mỗi bên có một chủ hôn điều khiển việc bàn bạc, và đều phải thông qua người phát ngôn của bên mình và truyền đạt ý kiến cho phía bên kia. Thường thì nhà gái đòi của rất nhiều đến mức nhà trai không thể trả ngay được và trở thành món nợ đòi của đôi dâu rể. Và số của đòi cũng thường được quy ra bạc nén hoặc lúa gạo để phòng việc bồi thường về sau. Có lẽ đó là một trong những nguyên nhân ràng buộc các cặp vợ chồng. ít thấy trường hợp vợ chồng bỏ nhau hoặc người chồng lấy 2,3 vợ.

Số nợ đó cũng chính là nguyên nhân khiến cho dù đã về nhà chồng, người vợ cũng chỉ được xem như là thành viên chưa chính thức của dòng họ nhà chồng. Trong giai đoạn này, nếu người vợ có làm điều gì sai trái bị làng bắt phạt mà gia đình chồng không lo nổi tiền phạt, thì cha mẹ vợ phải lo thay; và nếu người vợ chết người chồng đem ma (*viang cumuiq*) sang trả cho nhà vợ thì không phải làm lễ *col* nữa. Ngoài ra đôi bên còn phải tuân thủ những kiêng kỵ: Người vợ và họ hàng bên trai khi có việc sang nhà gái, tuyệt đối không được lên nhà, kể cả khi song thân bên gái qua đời; Đôi bên gia đình không được cùng ngồi một mâm để ăn chuối ăn bánh... trâu bò của đôi bên cũng không được thả chung một nơi, lừa về chung một lần; Chồng và vợ đều kiêng ăn chuối (*pariat*), bánh dày (*ayon*), mía (*catau*) và họ (*skiu*) của cha mẹ đôi bên, kiêng dùng cả những thức ăn do bà con hai họ mời, kiêng leo lên sát mái nhà v.v...

Có lẽ kiêng kỵ nhiều như vậy là để "gây áp lực" buộc nhà trai phải làm một lễ *col*, lễ cưới chính thức: thường là khi nhà gái có người bị đau ốm và việc xem bói cho biết rằng ma nhà đòi ăn lễ *col*, nhà gái sẽ báo cho nhà trai biết để lo liệu. Nếu chưa chuẩn bị kịp nhà trai phải đưa xôi, gà sang nhà gái để xin khất. Còn như nghèo quá mà

cha mẹ cho đến lúc chết vẫn chưa làm được lễ col, đến đời con cháu vẫn phải làm thay. Col là lễ lớn, phải vật trâu, lợn hay ít ra cũng bò, dê; và vì tốn kém nên có thể làm chung cho nhiều cặp vợ chồng. Nó được tổ chức tại nhà gái với sự đóng góp của hà trai. Ngoài ra nhà trai phải đưa ra lễ vật gồm một nồi đồng, một riu, 6 cái bát ăn cơm, và một lễ vật khác cho ông cậu để ông ta cúng ma nhà gái. Ông cậu cũng tặng lại đôi dàu rẻ một vài vật phẩm như quần áo, vải vóc... Việc trao đổi tặng phẩm được tiến hành trong lúc làm lễ đâm trâu (*cachit tariao*). Sau lễ col, nhà vợ giao cho nhà rể một cái khâu dao. Chỉ từ đó, người vợ mới thuộc hẳn dòng họ nhà chồng.

Và cũng từ đó, bắt đầu giai đoạn lệ thuộc hoàn toàn của người phụ nữ Bru. Bởi bên cạnh những tàn tích của "hôn nhân cướp đoạt" (như tục nhà gái rượt đuổi nhà trai), hôn nhân của người Bru còn mang tính chất hôn nhân mua bán. Người phụ nữ với khả năng lao động đa dụng được xem như một tài sản mà các chủ nhân (gồm cha mẹ, ông cậu và các anh em trai của cô gái) chỉ thuận giao cho nhà trai khi được đền bù thích đáng bằng tiền của. Và vì cái giá phải trả cho họ là rất lớn, nên nếu người chồng chết trước, luật tục *sím* bắt buộc cô gái phải trở thành tài sản thừa kế (vợ) của những người đàn ông khác trong gia đình nhà chồng, theo "thứ tự ưu tiên": anh em chồng, cha chồng, con riêng của chồng, con của anh em chồng. Trong khi thực hiện *sím*, những người đàn ông này có thể đã có vợ, nếu chưa, vẫn có quyền lấy thêm vợ khác. Người vợ goá nếu không thuận cho *sím* hoặc muốn trở về nhà cha mẹ mình, phải hoàn lại toàn bộ sính lễ trước kia cho nhà chồng, và không được mang theo con cái...